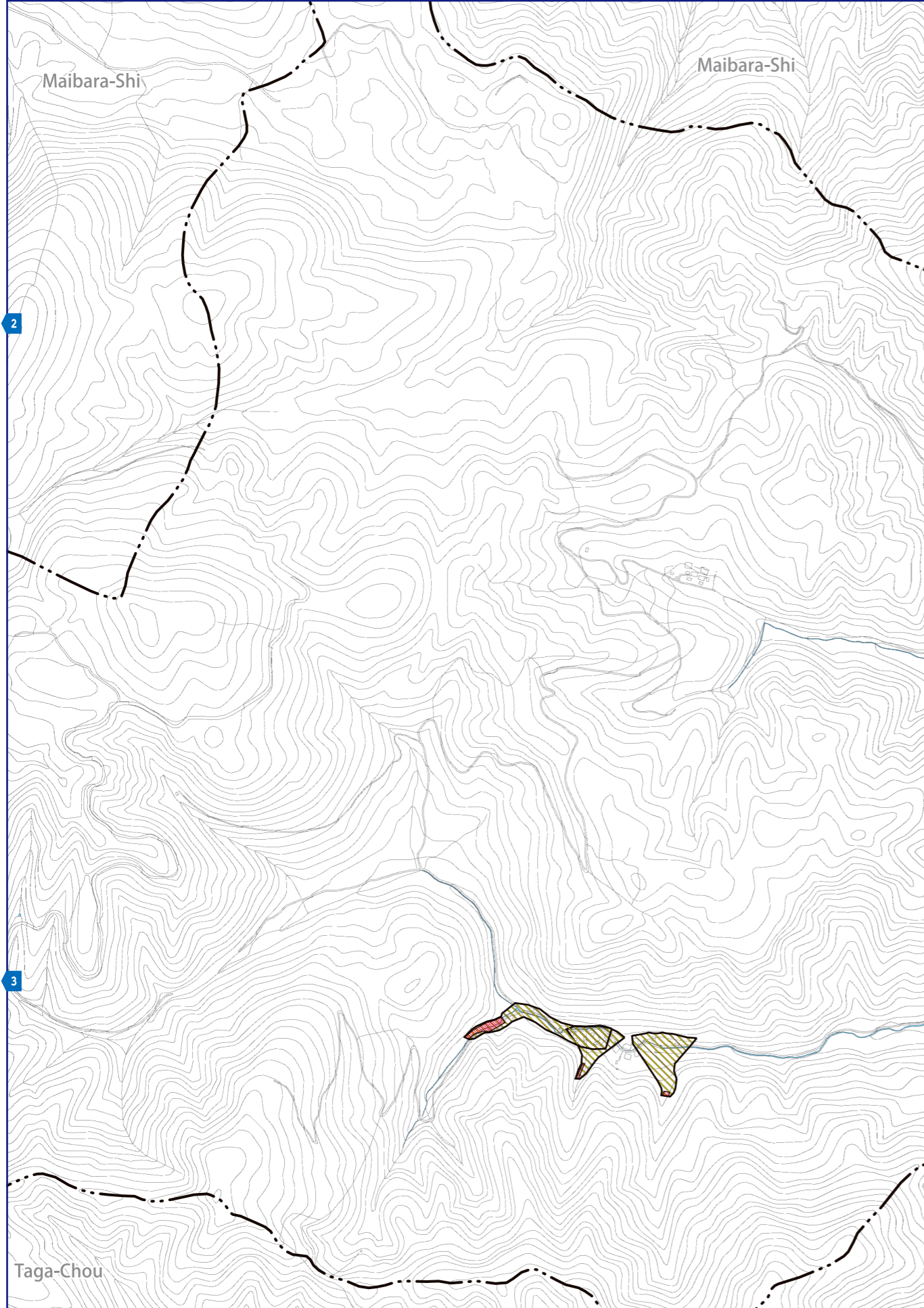


0 500m 1:12,000

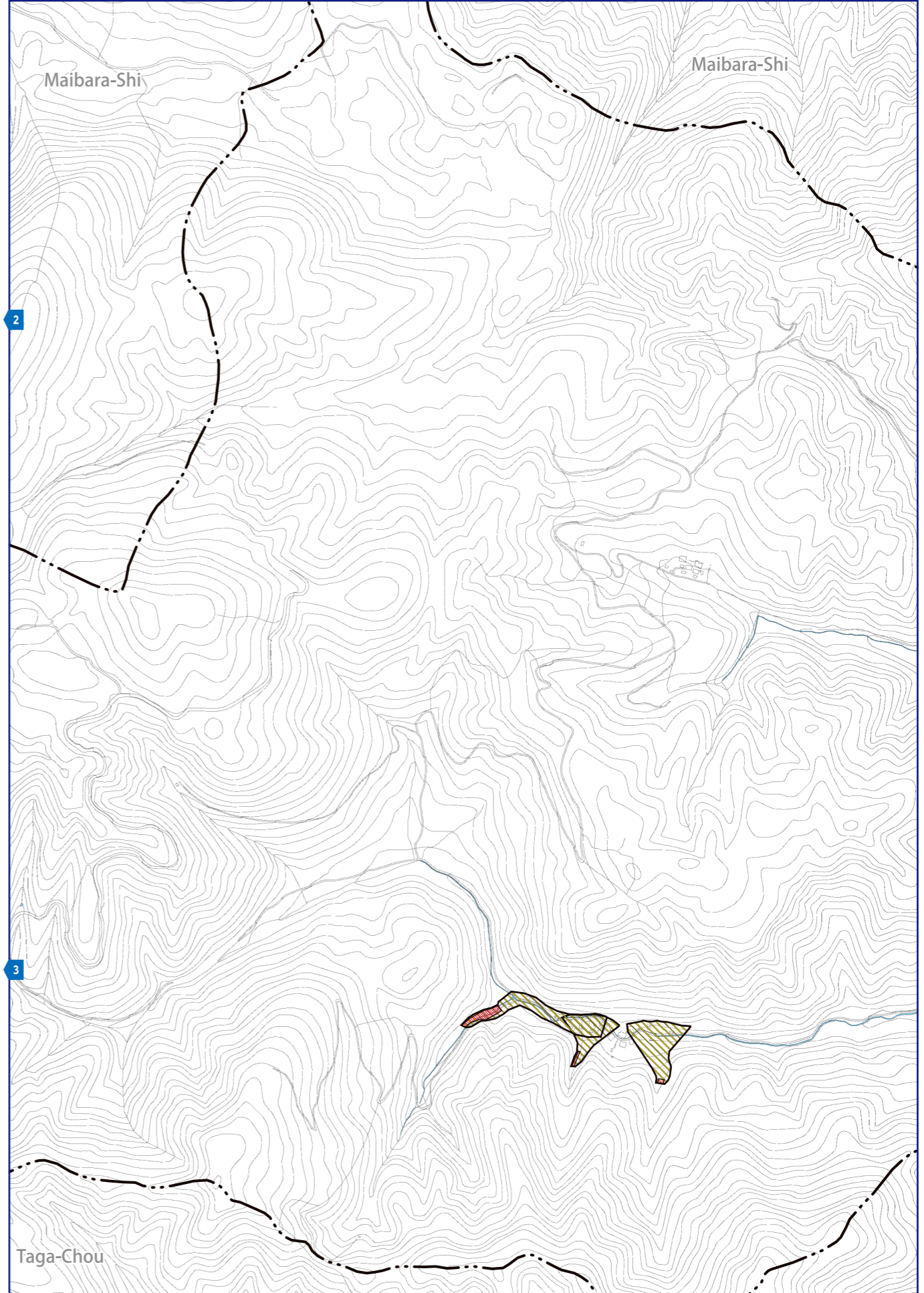
計画規模
 (概ね100年に一度の大雨)



Landslide (special) hazard zones

Landslide special hazard zones
 Landslide hazard zones

Steep slope collapse
 Mudslide



想定最大規模
 (概ね1000年に一度の大雨)

Anticipated inundation zone with risk of homes being destroyed

Riverbank erosion

Flood flow

Flood depth

5.0 m or higher

3.0 m to less than 5.0 m

2.0 m to less than 3.0 m

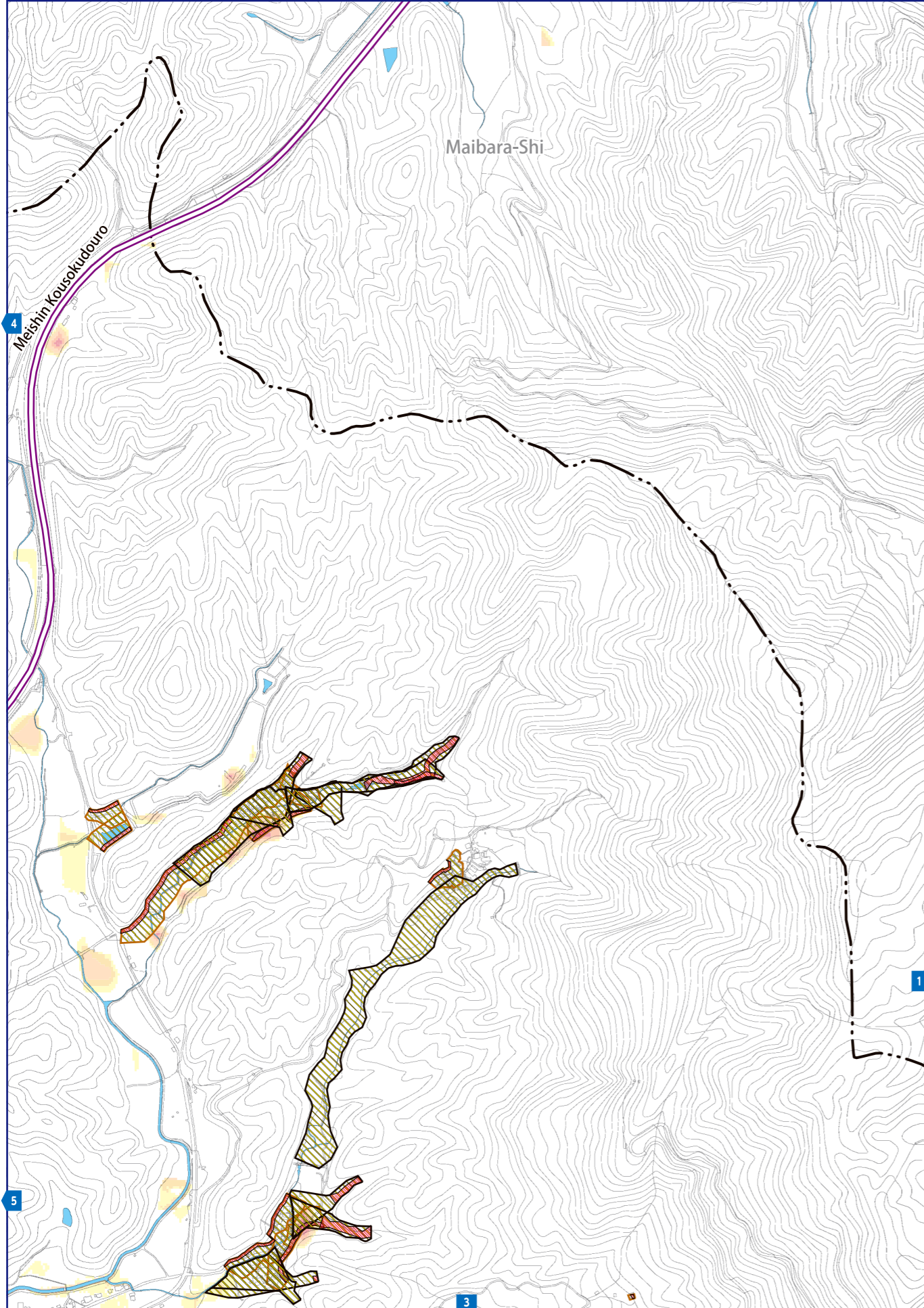
1.0 m to less than 2.0 m

0.5 m to less than 1.0 m

Less than 0.5 m

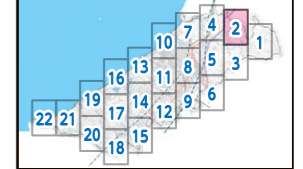
0 500m 1:12,000

計画規模
 (概ね100年に一度の大雨)

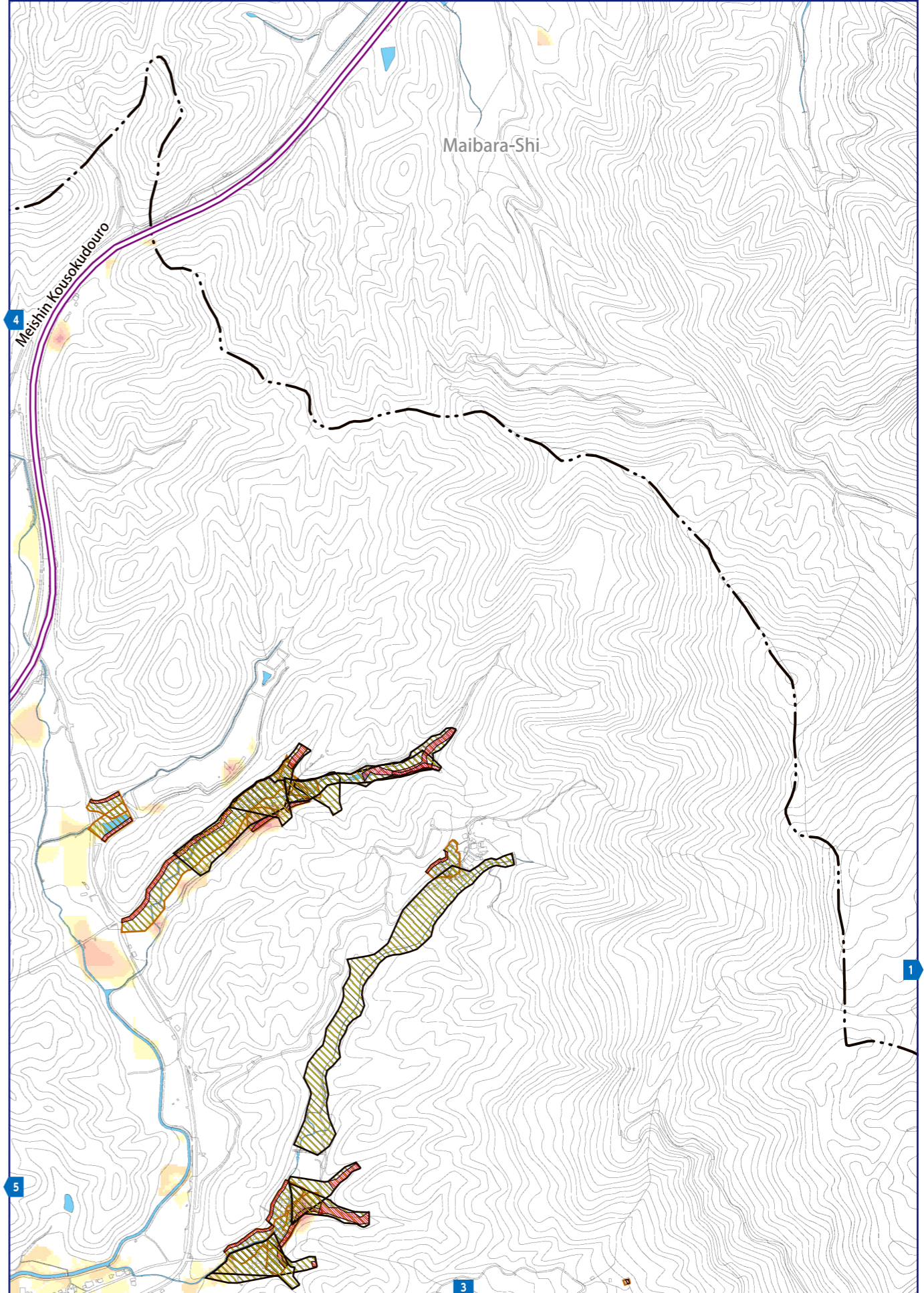


Landslide (special) hazard zones

Landslide special hazard zones (Steep slope collapse)
 Landslide hazard zones (Mudslide)



想定最大規模
 (概ね1000年に一度の大雨)



Anticipated inundation zone with risk of homes being destroyed

Riverbank erosion

Flood flow

Flood depth

- 5.0 m or higher
- 3.0 m to less than 5.0 m
- 2.0 m to less than 3.0 m
- 1.0 m to less than 2.0 m
- 0.5 m to less than 1.0 m
- Less than 0.5 m



最大水害リスク図

さいだいすいがい

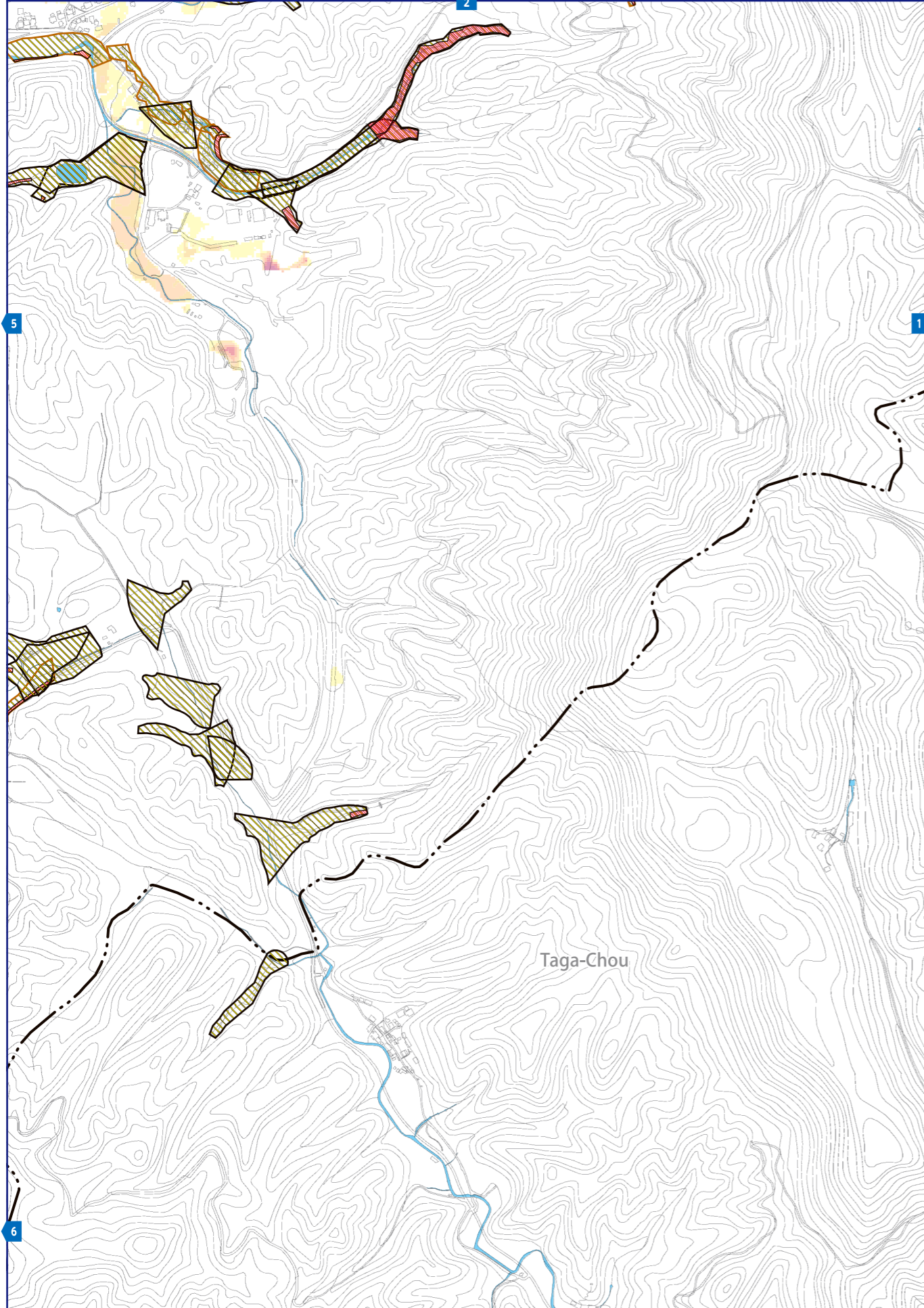
Maximum Water Hazard Risk Diagram

Mapa de Risco dos Maiores Danos Causados pela Água

最大水害风险图

Biểu đồ nguy cơ lũ lụt tối đa

0 500m 1:12,000



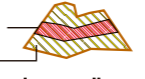
Planned scale A heavy rainfall generally every 100 years
Escala planejada Chuva forte de aproximadamente uma em 100 anos

计划规模 约为百年一遇的大雨
Quy mô kế hoạch Mưa lớn khoảng 100 năm mới có một lần

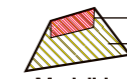
Landslide (special) hazard zones

Landslide special hazard zones

Landslide hazard zones



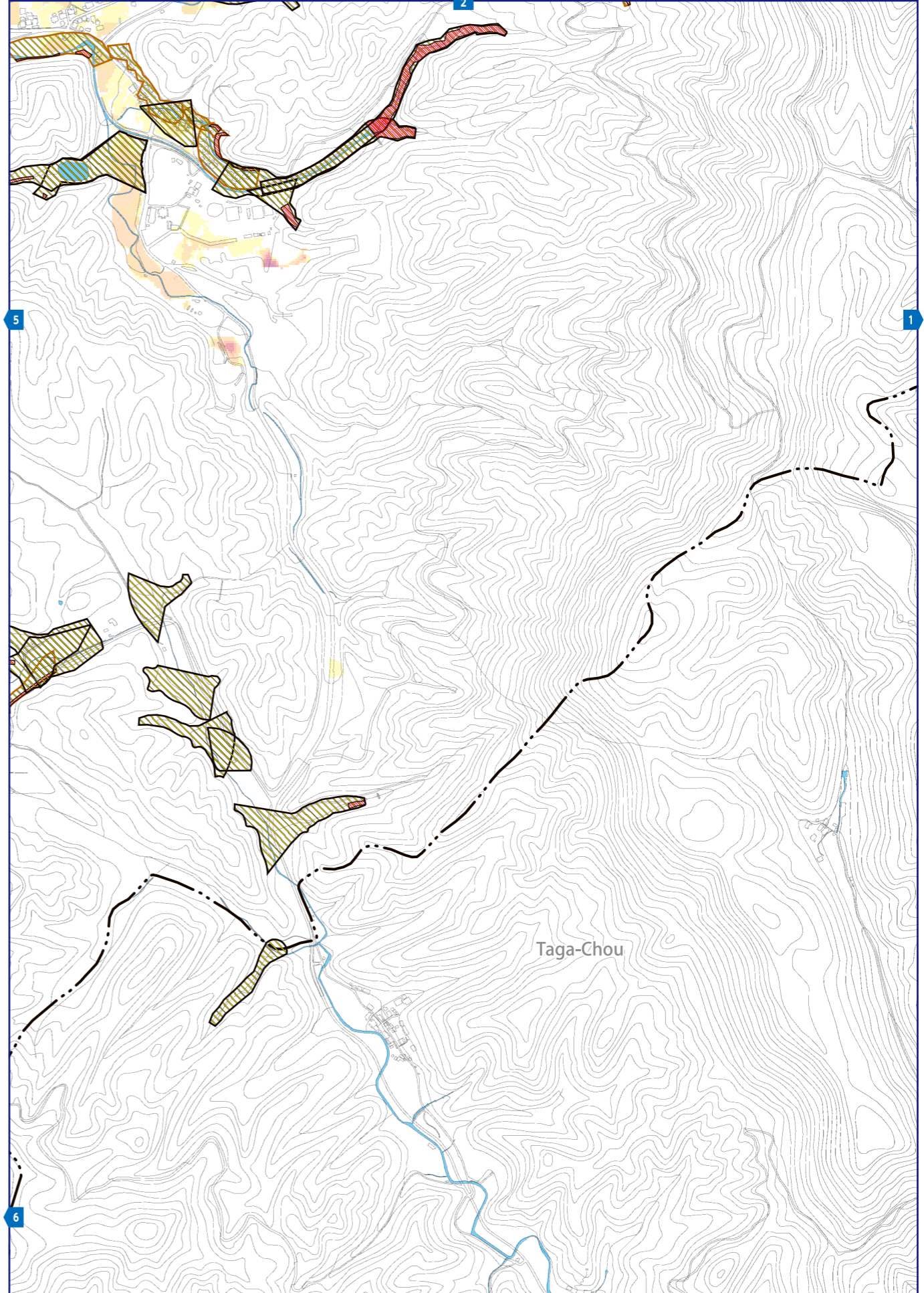
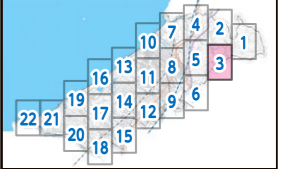
Steep slope collapse



Mudslide

Landslide special hazard zones

Landslide hazard zones



Assumed maximum scale A heavy rainfall generally every 1,000 years
Escala de simulação máxima Chuva forte de aproximadamente uma em 1.000 anos

予想最大規模 约为千年一遇的大雨
Quy mô tối đa giả định Mưa lớn khoảng 1.000 năm mới có một lần

Anticipated inundation zone with risk of homes being destroyed
Riverbank erosion
Flood flow

Flood depth

5.0 m or higher

3.0 m to less than 5.0 m

2.0 m to less than 3.0 m

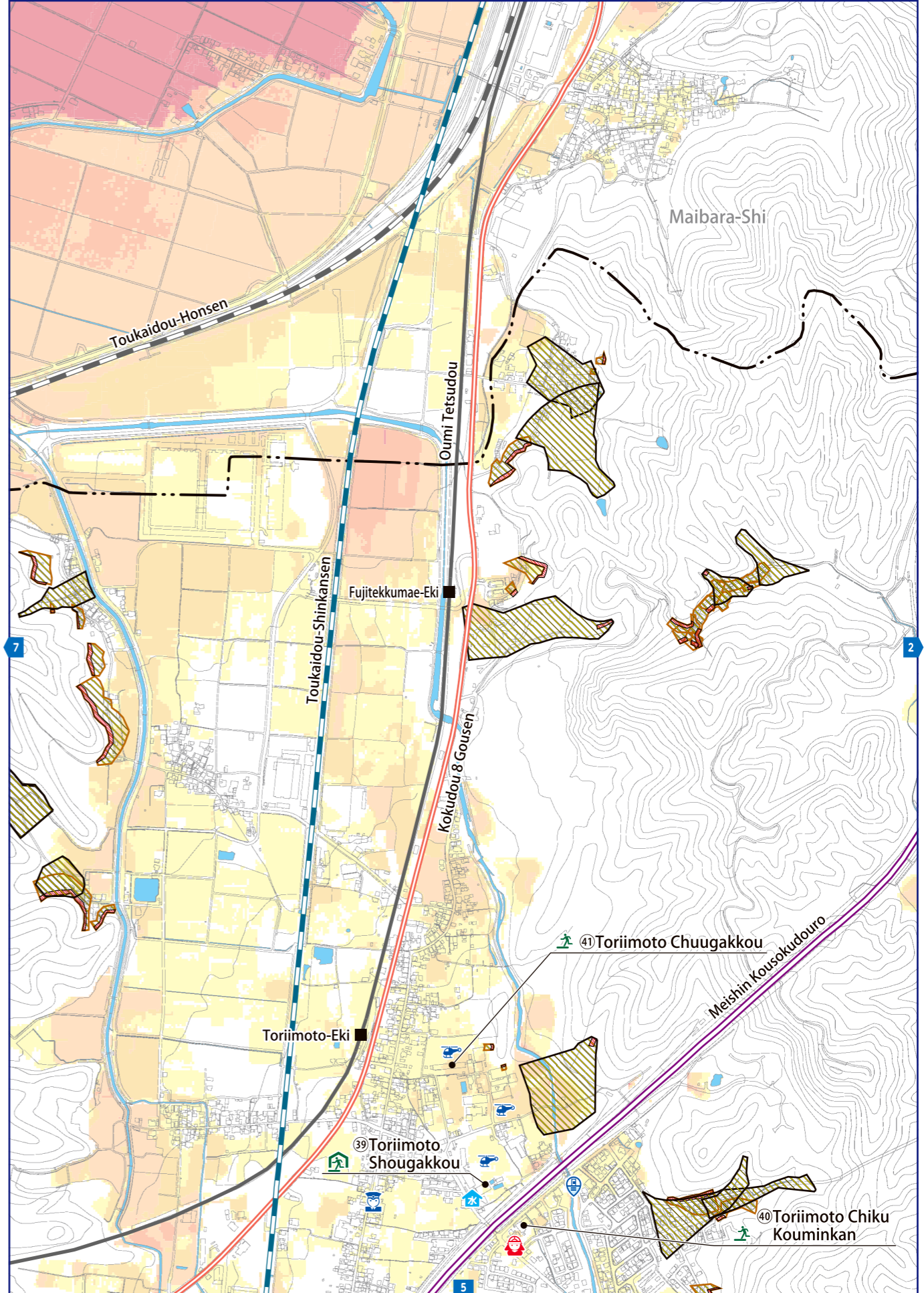
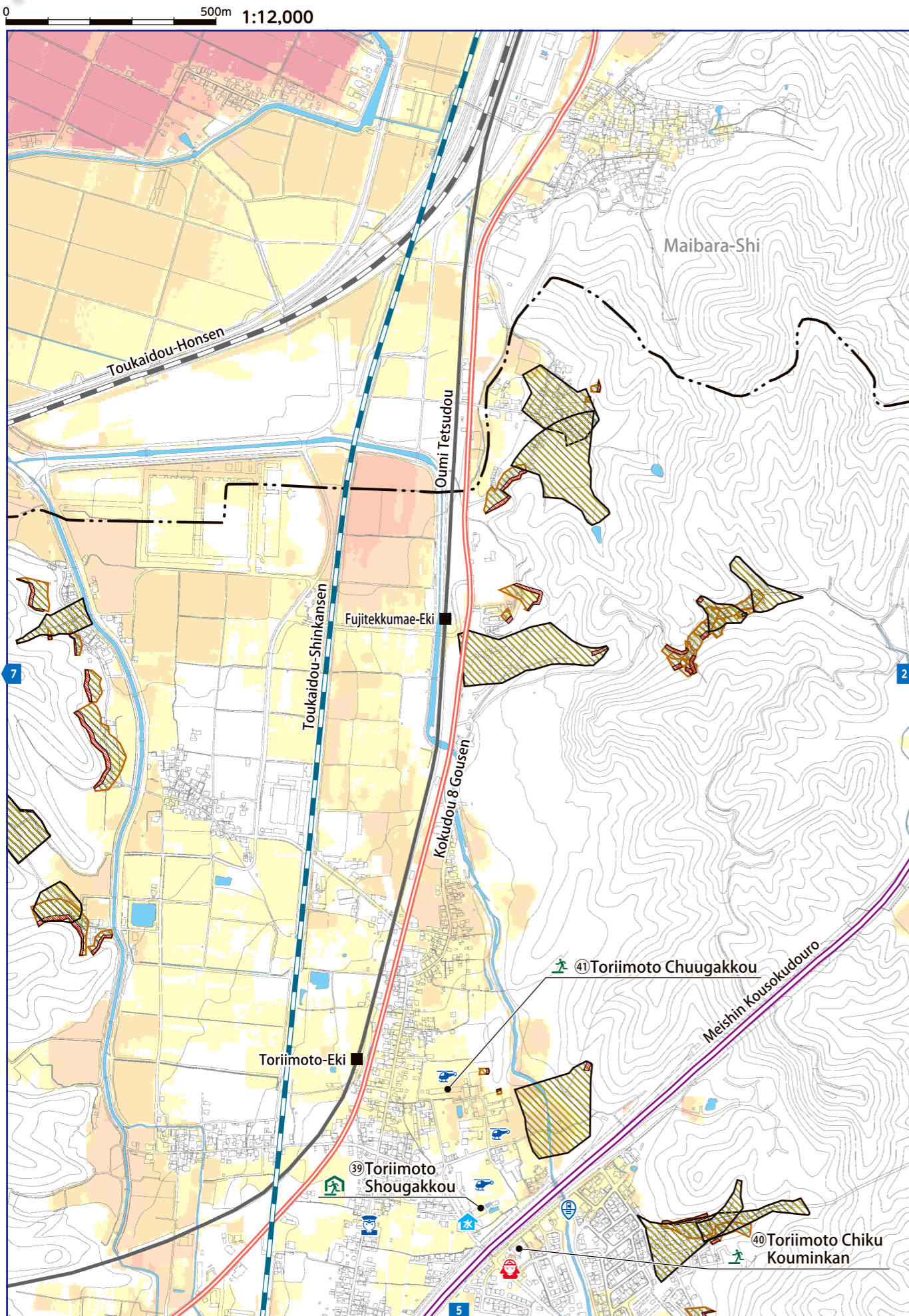
1.0 m to less than 2.0 m

0.5 m to less than 1.0 m

Less than 0.5 m

計画規模
 (概ね100年に一度の大雨)

想定最大規模
 (概ね1000年に一度の大雨)



Anticipated inundation zone with risk of homes being destroyed

Riverbank erosion

Flood flow

Flood depth

5.0 m or higher

3.0 m to less than 5.0 m

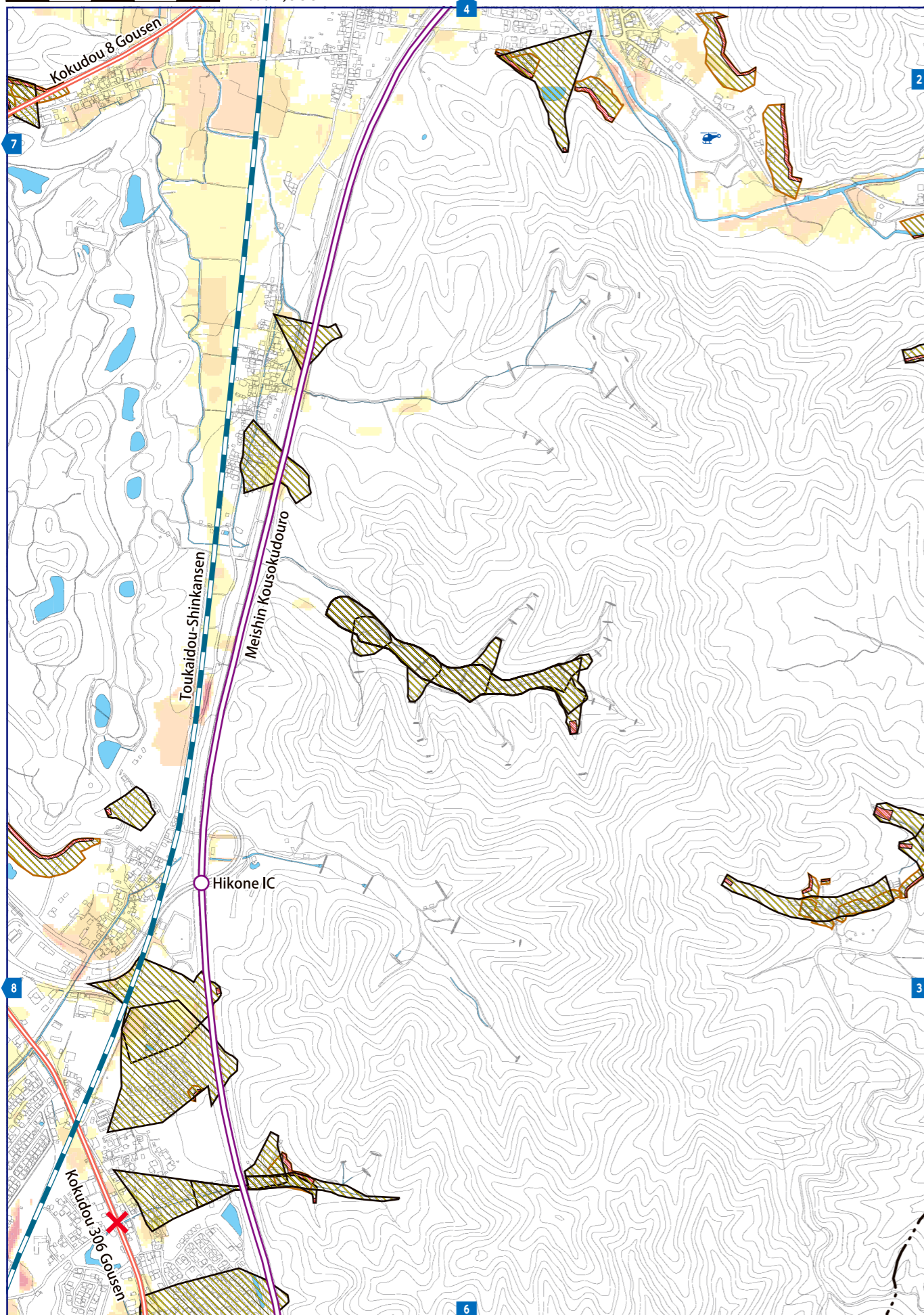
2.0 m to less than 3.0 m

1.0 m to less than 2.0 m

0.5 m to less than 1.0 m

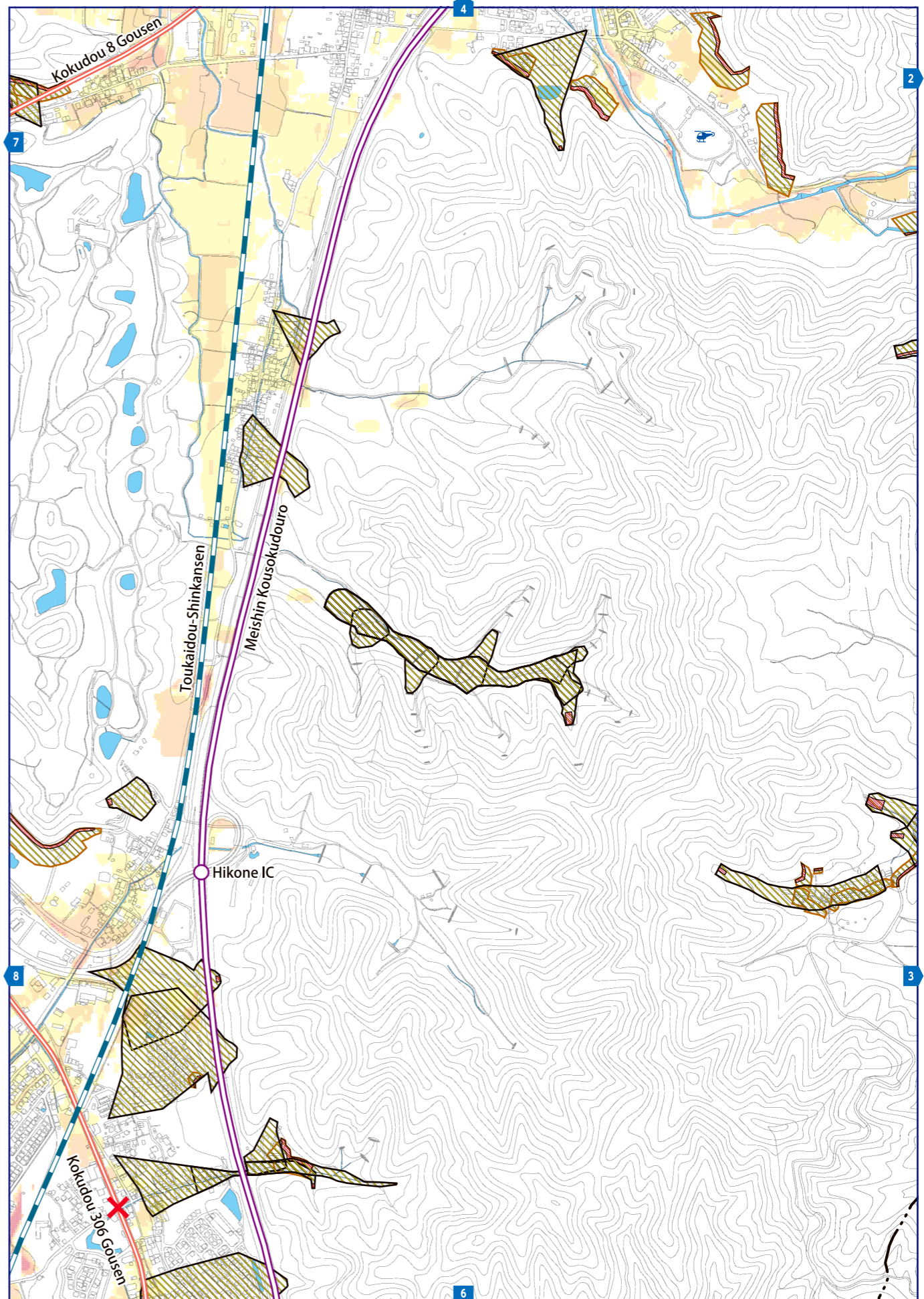
Less than 0.5 m

計画規模
 (概ね100年に一度の大雨)

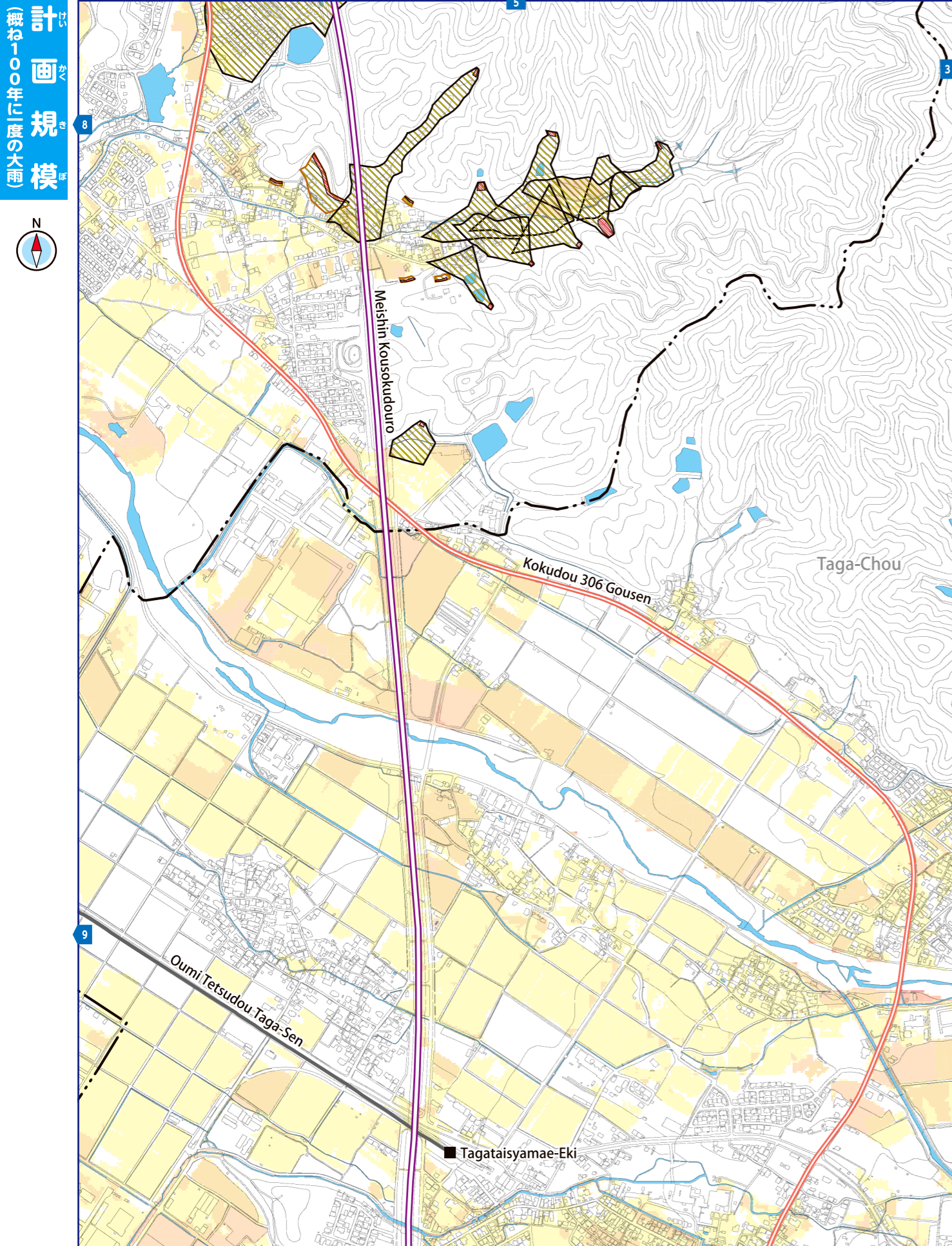


Planned scale A heavy rainfall generally every 100 years
 Escala planejada Chuva forte de aproximadamente uma em 100 anos
 计划规模 约为百年一遇的大雨
 Quy mô kế hoạch Mưa lớn khoảng 100 năm mới có một lần

想定最大規模
 (概ね1000年に一度の大雨)



Assumed maximum scale A heavy rainfall generally every 1,000 years
 Escala de simulação máxima Chuva forte de aproximadamente uma em 1.000 anos
 预想最大规模 约为千年一遇的大雨
 Quy mô tối đa giả định Mưa lớn khoảng 1.000 năm mới có một lần

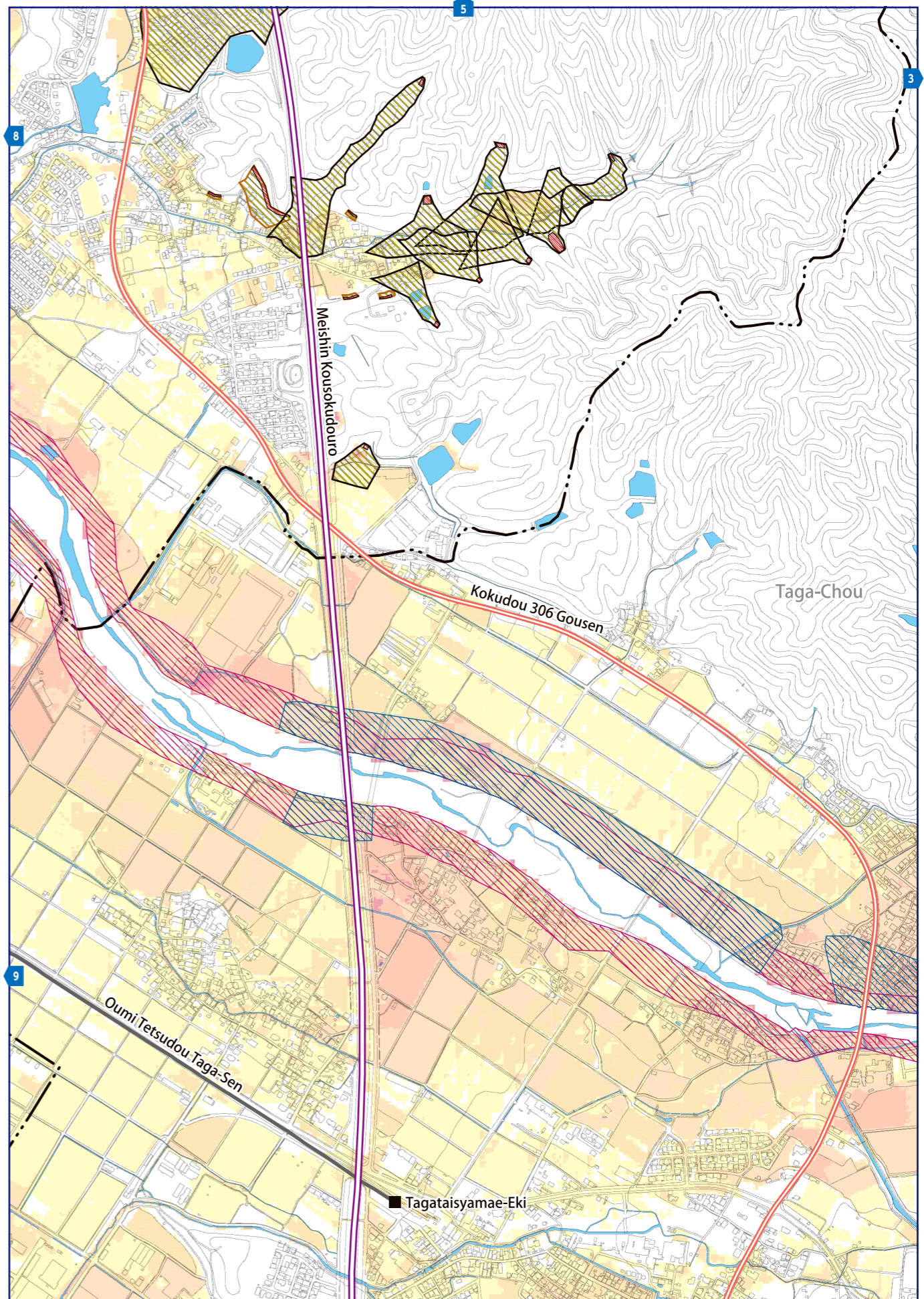
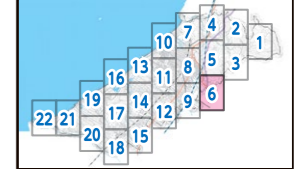


Planned scale A heavy rainfall generally every 100 years 計画規模 約為百年一遇の大雨
 Escala planejada Chuva forte de aproximadamente uma em 100 anos 計画規模 約為百年一遇の大雨
 Quy mô kế hoạch Mưa lớn khoảng 100 năm mới có một lần

Landslide (special) hazard zones

Landslide special hazard zones (Steep slope collapse) Landslide special hazard zones (Mudslide)

Landslide hazard zones (Steep slope collapse) Landslide hazard zones (Mudslide)



Assumed maximum scale A heavy rainfall generally every 1,000 years 想定最大規模 約為千年一遇の大雨
 Escala de simulação máxima Chuva forte de aproximadamente uma em 1.000 anos 想定最大規模 約為千年一遇の大雨
 Quy mô tối đa giả định Mưa lớn khoảng 1.000 năm mới có một lần